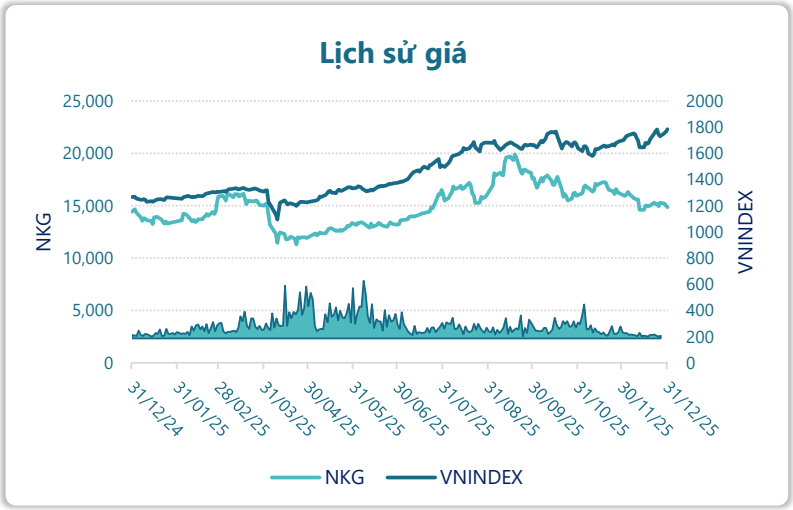
FireAnt

CTCP Thép Nam Kim (HSX: NKG)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,850**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,300
SL cổ phiếu LH	447,570,881
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,590,995
% sở hữu nước ngoài	5.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,646
P/E	33.7
EPS	441

DT thuần

Q4/25

3,136

tỷ VNĐ

QoQ: ▼637| -16.9%

YoY: ▼1,333| -29.8%

LN sau thuế

Q4/25

-9.34

tỷ VNĐ

QoQ: ▼58.8| -119%

YoY: ▼27.7| -151%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.1%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2025

14,808

tỷ VNĐ

YoY: ▼5,801| -28.1%

LN sau thuế

2025

197

tỷ VNĐ

YoY: ▼256| -56.5%

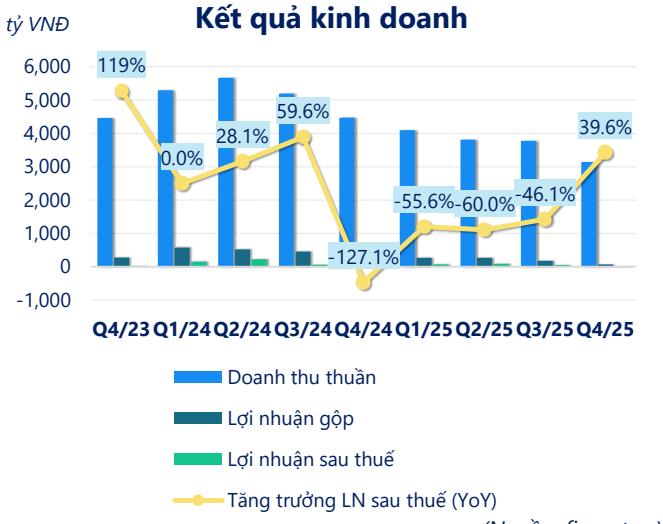
ROE

2025

2.9%

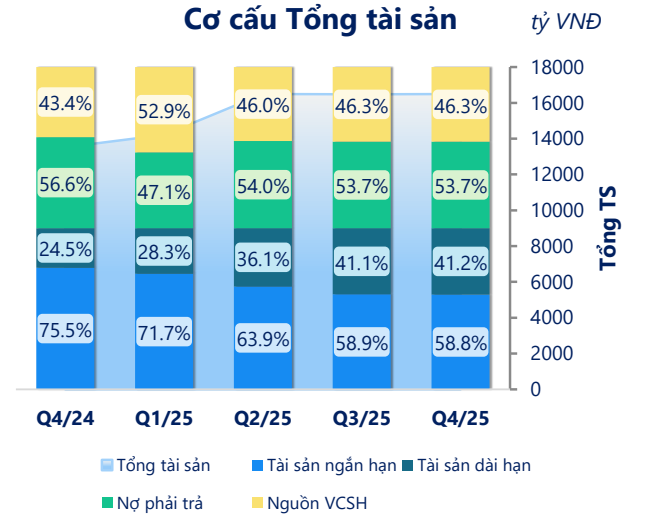
+/- YoY: ▼ 5.1%

Kết quả kinh doanh



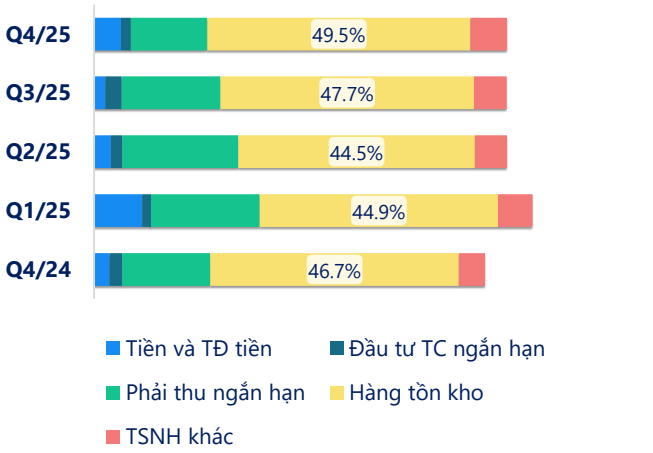
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



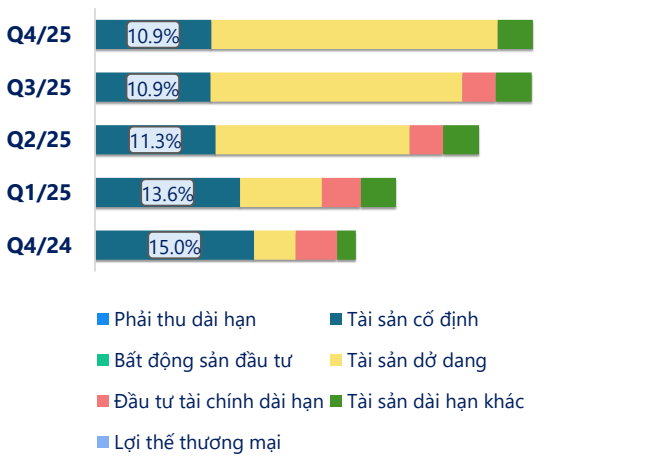
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



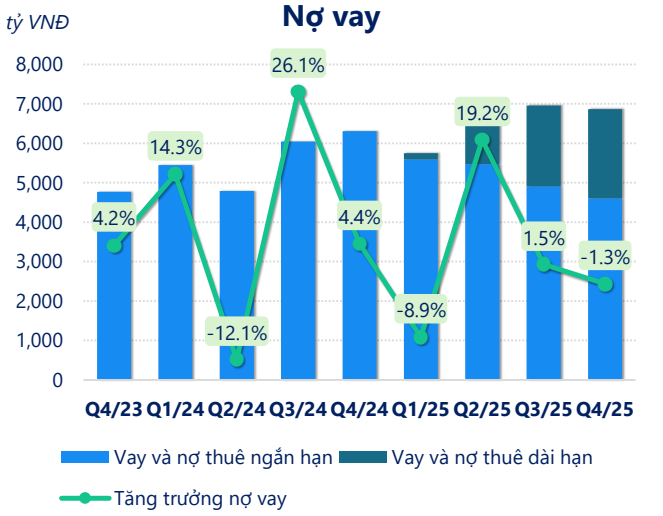
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



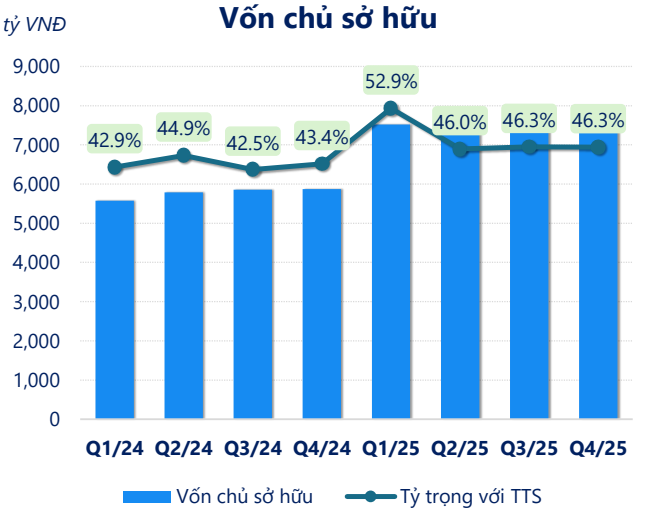
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



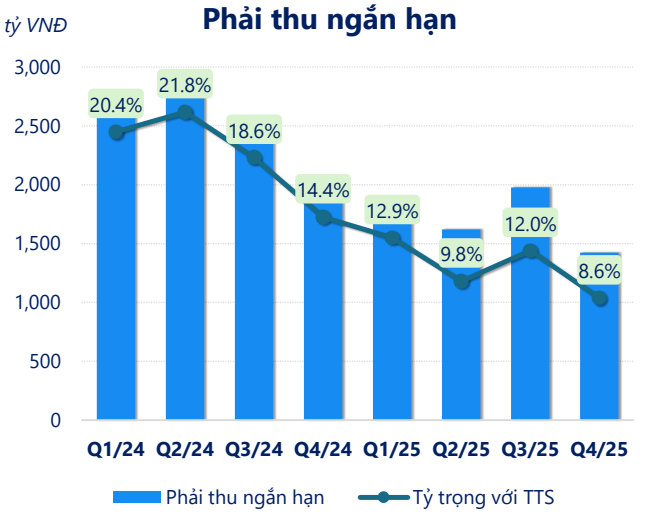
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



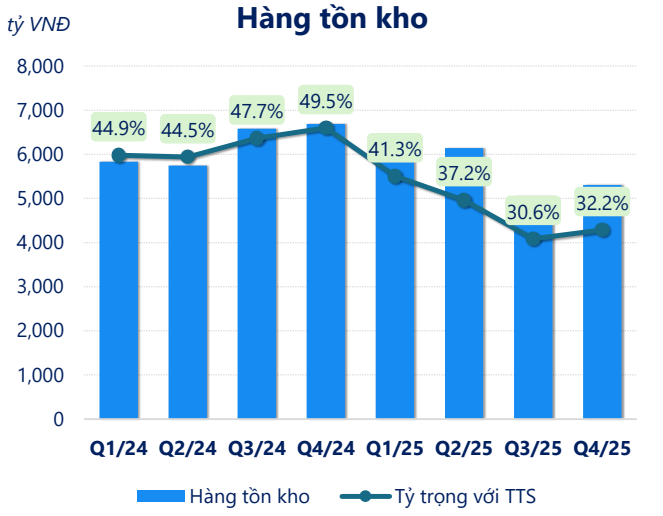
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



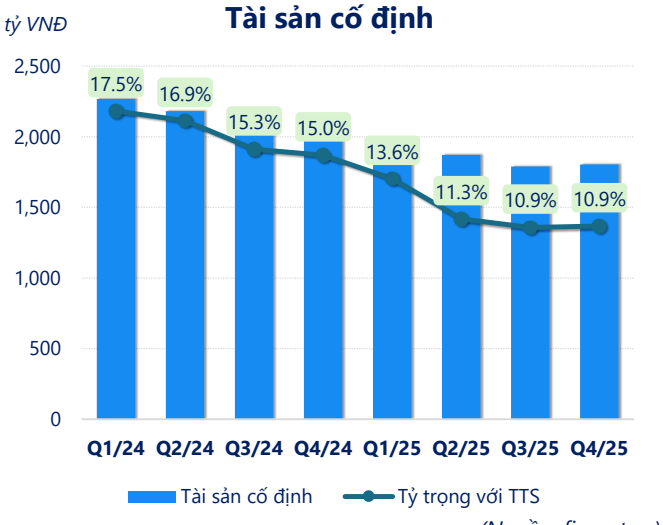
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



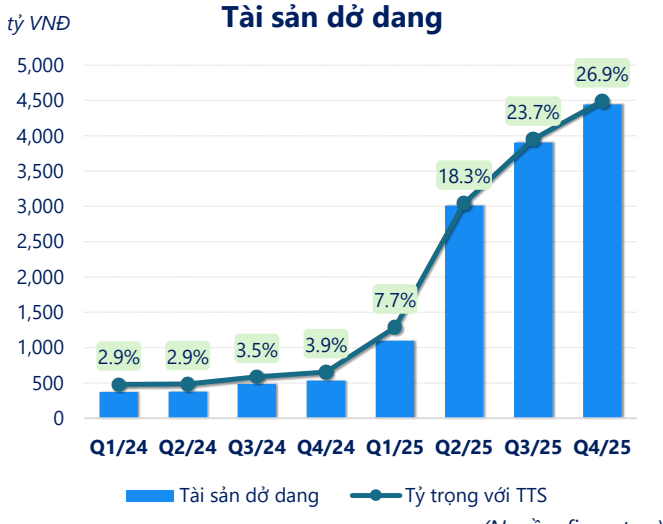
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



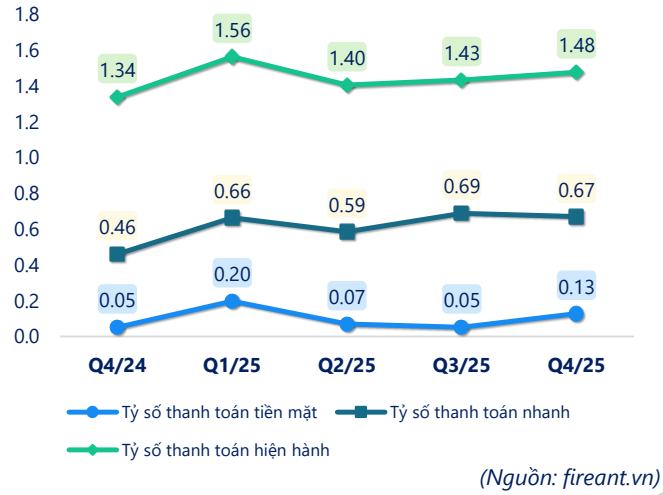
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



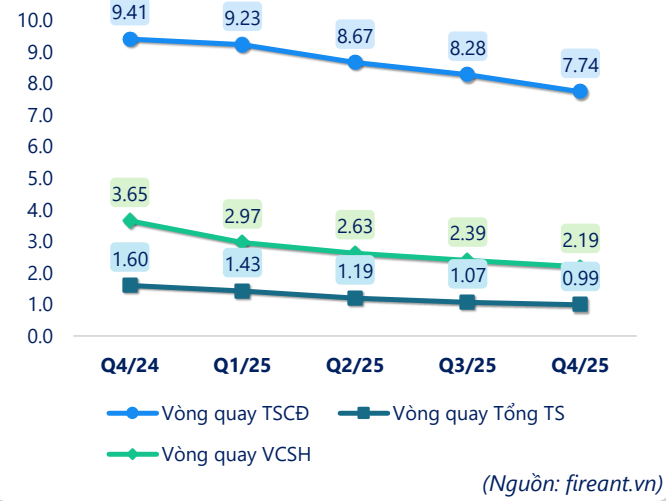
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**13,519**	**14,216**	**16,494**	**16,473**	**16,494**
Tài sản ngắn hạn	**10,202**	**10,191**	**10,536**	**9,706**	**9,703**
Tiền và tương đương tiền	392	1,287	523	348	839
Đầu tư tài chính ngắn hạn	247	254	1,106	1,107	835
Phải thu ngắn hạn	1,943	1,834	1,621	1,976	1,423
Hàng tồn kho	6,690	5,869	6,142	5,049	5,303
Tài sản ngắn hạn khác	930	946	1,145	1,226	1,303
Tài sản dài hạn	**3,317**	**4,025**	**5,958**	**6,767**	**6,791**
Phải thu dài hạn	1.34	1.34	1.34	1.34	1.34
Tài sản cố định	2,021	1,937	1,871	1,789	1,805
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	531	1,097	3,010	3,902	4,443
Đầu tư tài chính dài hạn	525	518	516	514	0.65
Tài sản dài hạn khác	238	472	560	561	541
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**7,648**	**6,700**	**8,913**	**8,840**	**8,858**
Nợ ngắn hạn	**7,621**	**6,518**	**7,500**	**6,766**	**6,568**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,312	5,594	5,468	4,907	4,601
Phải trả người bán ngắn hạn	856	629	1,623	1,434	1,470
Nợ dài hạn	26.8	182	1,414	2,074	2,290
Vay và nợ thuê dài hạn	0	156	1,389	2,049	2,266
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,871**	**7,516**	**7,581**	**7,634**	**7,635**
Vốn chủ sở hữu	**5,871**	**7,516**	**7,581**	**7,634**	**7,635**
Vốn điều lệ	3,159	4,476	4,476	4,476	4,476
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)